

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 01 năm 2022



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		2,654,392,040,472	2,523,236,333,264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	219,990,257,669	331,894,290,934
1. Tiền	111		189,990,257,669	331,894,290,934
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	653,104,516,751	533,582,336,272
1. Đầu tư ngắn hạn	121		657,122,435,008	558,399,670,343
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4,017,918,257)	(24,817,334,071)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,048,032,752,114	1,063,675,029,137
1. Phải thu khách hàng	131		773,377,534,914	786,434,096,978
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	296,237,265,593	244,677,680,657
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	477,140,269,321	541,756,416,321
2. Trả trước cho người bán	132		8,375,520,478	12,118,252,412
3. Các khoản phải thu khác	135	9	311,093,948,565	310,038,378,191
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(44,814,251,843)	(44,915,698,444)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		71,322,384,847	51,646,355,712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	71,226,447,092	51,572,595,510
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		67,860,460,031	48,938,087,579
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		3,365,987,061	2,634,507,931
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95,937,755	73,760,202
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	661,942,129,091	542,438,321,209
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		360,141,531,025	247,650,881,231
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		301,800,598,066	294,787,439,978
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		814,504,798,430	398,013,194,580
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,140,842,819	12,725,497,074
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	13,140,842,819	12,725,497,074
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		6,140,842,819	5,725,497,074
II. Tài sản cố định	220		8,334,242,432	7,359,231,868
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6,652,257,864	5,253,410,857
<i>Nguyên giá</i>	222		24,247,955,858	21,134,675,858
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17,595,697,994)	(15,881,265,001)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1,681,984,568	2,105,821,011
<i>Nguyên giá</i>	228		4,309,054,959	4,009,054,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,627,070,391)	(1,903,233,948)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	760,465,005,000	345,607,649,589
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		704,915,005,000	290,535,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(477,350,411)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		32,564,708,179	32,320,816,049
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32,564,708,179	32,320,816,049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,468,896,838,902	2,921,249,527,844

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


MÃ SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,417,566,809,165	1,886,158,609,498
I. Nợ ngắn hạn	310		2,415,841,109,049	1,883,399,966,948
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		374,548,854,357	250,504,300,113
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	361,427,349,785	246,884,595,695
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		13,121,504,572	3,619,704,418
3. Người mua trả tiền trước	313		5,602,882,260	8,339,142,996
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	19,857,165,869	16,360,997,724
5. Phải trả người lao động	315		76,742,576,754	64,874,077,503
6. Chi phí phải trả	316		407,425,198	15,800,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	7,287,790,807	14,744,791,505
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	119,684,295,443	67,539,079,521
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		74,134,032	46,762,725
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1,811,635,984,329	1,460,975,014,861
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học				
bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,205,517,281,083	909,044,480,325
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc				
và nhận tái bảo hiểm	329.2		522,026,304,512	482,890,702,436
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng				
đảm bảo cân đối	329.3		84,092,398,734	69,039,832,100
II. Nợ dài hạn	330		1,725,700,116	2,758,642,550
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,719,700,116	2,752,642,550
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,051,330,029,737	1,035,090,918,346
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,051,330,029,737	1,035,090,918,346
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		13,023,621,173	12,208,547,038
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38,306,408,564	22,882,371,308
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,468,896,838,902	2,921,249,527,844


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	489,573,370,214	363,656,958,891	1,502,186,681,125	1,200,488,271,712
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	189,480,474,832	164,693,214,631	237,096,272,752	225,772,008,545
3. Thu nhập khác	13	528,718,183	840,410,926	1,090,346,955	1,897,267,119
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	582,358,959,565	375,681,779,553	1,474,153,425,931	1,187,356,636,947
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	2,543,638,956	11,419,411,598	(10,000,825,365)	(5,203,669,589)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	90,472,041,573	133,157,716,104	257,165,485,601	232,967,689,234
7. Chi phí khác	24	84,883,455	769,561,155	112,531,476	870,256,250
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	4,123,039,680	8,162,116,038	18,942,683,189	12,166,634,534
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3,493,140,256	6,482,188,143	16,301,482,698	10,486,706,639

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	627,609,103,471	440,337,991,633	1,923,130,862,782	1,458,311,022,016
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		764,709,391,381	514,930,608,546	2,178,945,551,571	1,708,386,270,408
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		16,162,425,181	12,667,435,095	40,658,111,969	37,804,788,210
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		153,262,713,091	87,260,052,008	296,472,800,758	287,880,036,602
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	185,460,228,882	94,354,842,412	601,852,616,813	345,501,602,864
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		229,799,864,007	144,280,000,518	714,343,266,607	494,261,224,078
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		44,339,635,125	49,925,158,106	112,490,649,794	148,759,621,214
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		442,148,874,589	345,983,149,221	1,321,278,245,969	1,112,809,419,152
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		47,424,495,625	17,673,809,670	180,908,435,156	87,678,852,560
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		47,388,994,792	17,635,079,144	180,621,834,169	87,077,478,909
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		35,500,833	38,730,526	286,600,987	601,373,651
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		489,573,370,214	363,656,958,891	1,502,186,681,125	1,200,488,271,712
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		215,977,583,049	238,396,047,584	715,656,147,833	620,393,927,055
- Tổng chi bồi thường	11.1		215,977,583,049	238,396,047,584	715,656,147,833	620,393,927,055
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		67,563,929,156	105,476,088,370	289,229,721,630	207,261,566,619
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		46,066,549,759	15,410,639,346	39,135,602,076	170,662,768,202
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		19,660,126,493	(3,522,997,661)	7,013,158,088	143,040,942,761
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	174,820,077,159	151,853,596,221	458,548,870,191	440,754,185,877
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		5,510,753,769	3,833,846,123	15,052,566,634	12,519,275,967
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	402,028,128,637	219,994,337,209	1,000,551,989,106	734,083,175,103
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		29,558,088,255	18,787,644,707	88,177,559,650	60,532,535,094
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		372,470,040,382	201,206,692,502	912,374,429,456	673,550,640,009
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		582,358,959,565	375,681,779,553	1,474,153,425,931	1,187,356,636,947
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		(92,785,589,351)	(12,024,820,662)	28,033,255,194	13,131,634,765

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	189,480,474,832	164,693,214,631	237,096,272,752	225,772,008,545
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	2,543,638,956	11,419,411,598	(10,000,825,365)	(5,203,669,589)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		186,936,835,876	153,273,803,033	247,097,098,117	230,975,678,134
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	90,472,041,573	133,157,716,104	257,165,485,601	232,967,689,234
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		3,679,204,952	8,091,266,267	17,964,867,710	11,139,623,665
20. Thu nhập khác	31		528,718,183	840,410,926	1,090,346,955	1,897,267,119
21. Chi phí khác	32		84,883,455	769,561,155	112,531,476	870,256,250
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		443,834,728	70,849,771	977,815,479	1,027,010,869
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4,123,039,680	8,162,116,038	18,942,683,189	12,166,634,534
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		629,899,424	1,679,927,895	2,641,200,491	1,679,927,895
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,493,140,256	6,482,188,143	16,301,482,698	10,486,706,639

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kê toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4	
		Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	912,460,623,632	665,456,517,242	1,357,034,198,773	2,264,217,713,222
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(653,432,732,265)	(543,468,522,388)	(979,106,503,640)	(1,819,127,279,054)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(76,524,857,110)	(58,254,822,204)	(134,718,003,872)	(225,372,740,948)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,597,054,606)	-	(1,597,054,606)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5,936,032,627	19,846,827,448	10,981,986,996	95,247,639,473
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44,572,653,765)	(46,368,283,845)	(80,052,632,748)	(161,785,319,835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	142,269,358,513	37,211,716,253	172,541,990,903	153,180,012,858
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2,144,211,300)	(33,909,091)	(2,144,211,300)	(5,411,138,318)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	5,764,465
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(183,500,000,000)	(292,250,000,000)	(235,500,000,000)	(430,750,003,376)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	104,000,000,000	84,000,000,000	159,000,000,000	352,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	(174,374,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(24,000,005,000)	-	(24,000,005,000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,159,151,514	6,376,560,606	17,738,763,762	50,024,725,559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93,485,064,786)	(201,907,348,485)	(84,905,452,538)	(208,005,151,670)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	200,000,000,000	-	200,000,000,000
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(183,374,004)	(33,286,256)	(1,827,453,825)	(33,286,256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(183,374,004)	199,966,713,744	(1,827,453,825)	199,966,713,744
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	48,600,919,723	35,271,081,512	85,809,084,540	145,141,574,932
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	171,389,349,342	296,634,163,010	134,181,657,716	186,805,045,359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(11,396)	(10,901,514)	(484,587)	(52,277,283)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	219,990,257,669	331,894,343,008	219,990,257,669	331,894,343,008


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.686 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.446 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và bốn mươi sáu (46) đơn vị trực thuộc, bao gồm: VNI Hà Nội, VNI Thành phố Hồ Chí Minh, VNI Đà Nẵng, VNI Nghệ An, VNI Hải Phòng, VNI Hải Dương, VNI Tây Nguyên, VNI Nam Hồng Hà, VNI Thăng Long, VNI Quảng Ninh, VNI Đông Đô, VNI Quảng Bình, VNI Bắc Giang, VNI Thanh Hóa, VNI Vĩnh Phúc, VNI Bình Định, VNI Đông Nam Bộ, VNI Sài Gòn, VNI Khánh Hòa, VNI Nam Tây Nguyên, VNI Quảng Ngãi, VNI Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Tây Bắc, VNI Trảng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; VNI Huế; VNI Duyên Hải; VNI Bình Dương; VNI Âu Lạc; VNI Gia Định; VNI Kinh Đô; VNI Vạn Xuân; VNI Hà Tuyên; VNI Lâm Đồng; VNI Nam Định; VNI Phú Thọ; VNI Tiền Giang và Văn phòng đại diện Miền Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giá, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left| \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} \right. - \left| \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right. \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2020
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)*

Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	3,384,276,985	4,403,386,664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	186,605,980,684	327,490,904,270
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (i)	30,000,000,000	-
	219,990,257,669	331,894,290,934

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	657,122,435,008	(4,017,918,257)	558,399,670,343	(24,817,334,071)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>257,621,435,008</i>	<i>(4,017,918,257)</i>	<i>255,899,670,343</i>	<i>(24,817,334,071)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	257,621,435,008	(4,017,918,257)	255,899,670,343	(24,817,334,071)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>399,501,000,000</i>	-	<i>302,500,000,000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	399,501,000,000	-	302,500,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	760,465,005,000	-	346,085,000,000	(477,350,411)
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>25,000,000,000</i>	-	<i>10,000,000,000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	25,000,000,000	-	10,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>92,540,000,000</i>	-	<i>92,540,000,000</i>	<i>(477,350,411)</i>
- Đầu tư vào công ty liên kết	55,550,000,000	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	36,990,000,000	-	36,990,000,000	(477,350,411)
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>642,925,005,000</i>	-	<i>243,545,000,000</i>	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	642,925,005,000	-	243,545,000,000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	109,392,553,656	88,548,474,146
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	104,486,206,895	83,208,502,073
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	4,906,346,761	5,339,972,073
Các khoản phải thu khách hàng khác	99,579,860,134	77,868,530,000
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	14,225,535,596	12,684,334,217
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	135,774,633,344	139,552,414,159
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	8,141,086,427	1,608,422,229
d) Phải thu từ hoạt động môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm	23,414,136,503	549,843,854
e) Phải thu khác	5,289,320,067	1,734,192,052
	296,237,265,593	244,677,680,657

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	438,780,370,000	503,396,517,000
Phải thu khác	-	-
	477,140,269,321	541,756,416,321

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	311,093,948,565	310,038,378,191
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	69,825,381	40,772,512
Tạm ứng	2,623,348,672	2,195,219,312
Phải thu ngắn hạn khác	308,400,774,512	307,802,386,367
b) Dài hạn	13,140,842,819	12,725,497,074
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	6,140,842,819	5,725,497,074
	324,234,791,384	322,763,875,265

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt NamCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Báo cáo tài chính Quý 4**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09a-DNPNT****10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	1,104,112,165	1,092,895,736	252,616,450	4,092,643,939	6,542,268,290
Phải thu tái bảo hiểm	252,084,532	166,219,080	50,343,324	167,977,600	636,624,536
Nợ khác				945,242,724	945,242,724
Cộng	1,356,196,697	1,259,114,816	302,959,774	5,205,864,263	8,124,135,550

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.	46,484,034,871	44,814,251,843	46,932,278,924	44,915,698,444
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	8,124,135,550	6,454,352,522	8,572,379,603	6,555,799,123

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	48,938,087,579	24,252,197,390
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	62,285,367,926	47,060,875,388
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	43,362,995,474	22,374,985,199
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	67,860,460,031	48,938,087,579
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3,365,987,061	2,634,507,931
	71,226,447,092	51,572,595,510

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	360,141,531,025	247,650,881,231
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	301,800,598,066	294,787,439,978
	661,942,129,091	542,438,321,209

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	5,814,951,818	15,319,724,040	21,134,675,858
Mua sắm mới	-	3,113,280,000	3,113,280,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5,814,951,818	18,433,004,040	24,247,955,858
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	3,645,741,498	12,235,523,503	15,881,265,001
Trích khấu hao	726,868,781	987,564,212	1,714,432,993
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,372,610,279	13,223,087,715	17,595,697,994
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	2,169,210,320	3,084,200,537	5,253,410,857
Tại ngày cuối kỳ	1,442,341,539	5,209,916,325	6,652,257,864

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Phần mềm	Tổng cộng
	máy tính	VND
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4,009,054,959	4,009,054,959
Tăng do mua sắm	300,000,000	300,000,000
Số dư cuối kỳ	4,309,054,959	4,309,054,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	1,903,233,948	1,903,233,948
Trích khấu hao	723,836,443	723,836,443
Số dư cuối kỳ	2,627,070,391	2,627,070,391
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	2,105,821,011	2,105,821,011
Tại ngày cuối kỳ	1,681,984,568	1,681,984,568

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	296,146,696,222	199,204,126,326
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	8,401,301,123	5,672,364,976
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	36,028,275,836	30,223,574,161
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	9,619,977,892	4,050,846,912
e) Phải trả khác	11,231,098,712	7,733,683,320
	361,427,349,785	246,884,595,695

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	18,378,599,481	14,828,421,417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	629,899,424	836,290,250
Thuế thu nhập cá nhân	665,387,644	478,909,409
Thuế nhà thầu nước ngoài	58,126,391	54,699,989
Thuế, phí phải nộp khác	125,152,929	162,676,659
	19,857,165,869	16,360,997,724

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020</u>
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	67,539,079,521	21,093,491,171
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	130,136,323,855	66,053,660,478
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(77,991,107,933)	(19,608,072,128)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	119,684,295,443	67,539,079,521
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	54,715,498	72,181,964
Phải trả bảo hiểm y tế	16,244,422	20,299,707
Phải trả kinh phí công đoàn	1,135,514,224	1,347,376,838
Phải trả các cổ đông	3,583,847,400	5,736,769,014
Phải trả khác	2,497,469,263	7,568,163,982
	7,287,790,807	14,744,791,505

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	522,026,304,512	301,800,598,066	220,225,706,446
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	455,438,599,401	280,370,494,406	175,068,104,995
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	66,587,705,111	21,430,103,660	45,157,601,451
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,205,517,281,083	360,141,531,025	845,375,750,058
Cộng	1,727,543,585,595	661,942,129,091	1,065,601,456,504

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	482,890,702,436	294,787,439,978	188,103,262,458
Số trích lập trong kỳ	39,135,602,076	7,013,158,088	32,122,443,988
Số dư cuối kỳ	522,026,304,512	301,800,598,066	220,225,706,446

2. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng toán học	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	909,044,480,325	247,650,881,231	661,393,599,094
Số trích lập trong kỳ	296,472,800,758	112,490,649,794	183,982,150,964
Số dư cuối kỳ	1,205,517,281,083	360,141,531,025	845,375,750,058

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Năm 2020
Số dư đầu kỳ	69,039,832,100	56,520,556,133
Số trích lập thêm trong kỳ	15,052,566,634	12,519,275,967
Số dư cuối kỳ	84,092,398,734	69,039,832,100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2020	800,000,000,000	11,684,211,706	12,987,060,282	824,671,271,988
Tăng vốn trong kỳ	200,000,000,000	-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	10,486,706,639	10,486,706,639
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	524,335,332	(524,335,332)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(67,060,281)	(67,060,281)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1,000,000,000,000	12,208,547,038	22,882,371,308	1,035,090,918,346
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2021	1,000,000,000,000	12,208,547,038	22,882,371,308	1,035,090,918,346
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	16,301,482,698	16,301,482,698
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	815,074,135	(815,074,135)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(62,371,307)	(62,371,307)
Số dư tại ngày 31/12/2021	1,000,000,000,000	13,023,621,173	38,306,408,564	1,051,330,029,737

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2020
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	2,184,541,147,248	1,709,540,406,597
Bảo hiểm hàng không	24,713,977,303	13,505,510,988
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	305,660,001,073	220,032,078,002
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	95,108,293,833	70,080,049,323
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	58,237,143,651	48,926,213,774
Bảo hiểm xe cơ giới	1,487,898,341,573	1,172,627,111,122
Bảo hiểm cháy nổ	163,861,674,366	131,589,530,076
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	36,790,172,411	43,531,086,635
Bảo hiểm trách nhiệm chung	10,965,531,188	7,857,278,551
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,306,011,850	1,391,548,126
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(5,595,595,677)	(1,154,136,189)
Phí nhận tái bảo hiểm	40,675,658,287	37,849,741,540
Bảo hiểm hàng không	412,850,493	5,883,202
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	13,017,499,003	15,065,388,007
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	19,262,588,275	16,143,175,628
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	2,228,836,523	1,379,706,351
Bảo hiểm xe cơ giới	26,568,963	68,425,950
Bảo hiểm cháy nổ	4,543,871,371	3,815,387,030
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	976,904,990	1,237,086,577
Bảo hiểm trách nhiệm chung	36,101,812	82,779,297
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	170,436,857	51,909,498
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(17,546,318)	(44,953,330)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(296,472,800,758)	(287,880,036,602)
	1,923,130,862,782	1,458,311,022,016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2020
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	714,343,266,607	494,261,224,078
Bảo hiểm hàng không	23,759,235,510	12,519,600,500
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	22,583,353,918	14,790,948,448
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	71,243,050,222	49,426,457,586
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	39,143,627,873	30,200,079,379
Bảo hiểm xe cơ giới	401,608,482,321	258,651,292,914
Bảo hiểm cháy nổ	124,918,712,275	96,591,567,164
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	24,280,683,758	27,403,852,080
Bảo hiểm trách nhiệm chung	5,650,599,829	3,530,775,661
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,155,520,901	1,146,650,346
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(112,490,649,794)	(148,759,621,214)
	601,852,616,813	345,501,602,864

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2020
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	715,656,147,833	620,393,927,055
Bảo hiểm hàng không	11,763,092,206	12,542,210,140
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	43,403,788,473	43,633,019,123
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	46,198,557,234	26,573,957,758
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	17,863,206,121	52,395,932,757
Bảo hiểm xe cơ giới	519,463,116,517	391,203,781,004
Bảo hiểm cháy nổ	36,916,892,910	86,677,161,306
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	14,883,012,491	6,908,728,855
Bảo hiểm trách nhiệm chung	25,164,055,489	459,136,112
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	426,392	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(289,229,721,630)	(207,261,566,619)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	39,135,602,076	170,662,768,202
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(7,013,158,088)	(143,040,942,761)
	458,548,870,191	440,754,185,877

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2020
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	88,177,559,650	60,532,535,094
Chi đòi người thứ ba	35,751,817	35,729,274
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	58,660,909	40,468,184
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	903,567,530	36,207,410
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	2,596,560,912	6,159,268,365
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	690,235,242,687	525,991,145,516
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	216,917,409,702	140,025,956,207
Chi khác	1,627,235,899	1,261,865,053
	1,000,551,989,106	734,083,175,103

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21,362,344,220	22,704,646,458
Lãi đầu tư trái phiếu	-	707,105,503
Lãi kinh doanh chứng khoán	182,503,339,665	162,783,330,838
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6,729,676,809	5,098,190,767
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,495,277,244	2,937,637,716
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24,005,634,814	31,541,097,263
	237,096,272,752	225,772,008,545

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

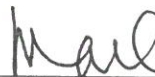
	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(21,276,766,225)	(11,239,092,771)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	10,541,423,236	5,706,068,844
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	664,050,570	313,554,338
Chi phí hoạt động tài chính khác	70,467,054	15,800,000
	(10,000,825,365)	(5,203,669,589)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	181,439,615,301	149,288,507,818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56,235,363,412	64,154,544,190
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(101,446,601)	822,236,093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,438,269,436	1,983,908,309
Chi phí dụng cụ văn phòng	6,193,606,063	5,740,132,598
Chi phí vật liệu quản lý	8,038,160,909	7,571,171,515
Thuế, phí và lệ phí	1,040,561,828	1,046,687,451
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	622,380,166	433,397,603
Chi phí quản lý khác	1,258,975,087	1,927,103,657
	257,165,485,601	232,967,689,234

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2021	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2020
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	18,942,683,189	12,166,634,534
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(6,493,037,817)	(5,008,780,406)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	756,357,085	1,241,785,348
Thu nhập chịu thuế	13,206,002,457	8,399,639,476
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2,641,200,491	1,679,927,895


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng


Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022